# TÊN BÀI DẠY: TIẾT 19 : LUYỆN TẬP CHUNG

Chương 2 – thời gian thực hiện: 01 tiết

GV soạn: Nguyễn Thị Thuý Gmail: thuyvanninh@gmail.com

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

***-*** Củng cố và gắn kết các kiến thức từ bài 8 đến bài 10, vận dụng được các kiến thức đã học từ bài 8 đến bài 10 vào giải bài tập.

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:**

+ Năng lực tự chủ và tự học: Học sinh tự nghiên cứu và làm bài tập trong SGK

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh có khả năng làm việc, thảo luận nhóm, cặp đôi để thực hiện yêu cầu của nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh có thể đề xuất bài toán mới từ bài toán ban đầu.

**- Năng lực toán học:**

+ Sử dụng các ngôn ngữ, kí hiệu toán học vào trình bày lời giải bài tập.

+ Vận dụng kiến thức về quan hệ chia hết và phân tích một số ra thừa số nguyên tố để giải bài tập.

+ Vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

+ Gắn kết các kĩ năng bài học lại với nhau.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, có tinh thần tự học, tự đọc SGK, tài liệu tham khảo

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** SGK, giáo án tài liệu, 5 bút dạ ( 4 màu xanh hoặc đen và 1 màu đỏ)

**2 - HS** :

- SGK; đồ dùng học tập; giấy A1 theo tổ.

- Ôn tập kiến thức từ bài 8 đến bài 10.

- Nghiên cứu và làm bài tập về tìm ướcvà bội của một số tự nhiên, các dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9 và phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

- Nghiên cứu để đề xuất các câu hỏi mới cho mỗi bài toán.

**III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU) ( 10p)**

**a) Mục tiêu:** HS nêu lại được các kiến thức cơ bản từ bài 8 đến bài 10.

**b) Hoạt động của học sinh:** Học sinh phát biểu lại được các kiến thức đã được học.

**c) Sản phẩm:** Nội dung kiến thức cơ bản từ bài 8 đến bài 10.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Giáo viên giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm hoạt động, thảo luận và hoàn thành theo yêu cầu như sau: Mỗi nhóm có một lượt chọn mảnh ghép, các nhóm thảo luận và đưa ra đáp án, nhóm nào trả lời nhanh và chính xác thì được cộng điểm.

**- Học sinh thực hiện nhiệm vụ:** HSthảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**- Báo cáo, thảo luận:** Các nhóm thảo luận và đưa ra đáp án

**- Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, chốt kiến thức (chiếu lên máy chiếu hoặc bảng phụ tổng hợp kiến thức). Trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

**2.** **HOẠT ĐỘNG 2**: **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG ( 32p)**

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để giải bài tập về bài toán vận dụng tìm ước và bội của một số, dấu hiệu chia hết cho 2; 3; 5; 9 và phân tích một số ra thừa số nguyên tố, toán vận dụng vào thực tế.

- Học sinh bước đầu biết đề xuất bài toán đơn giản, tương tự.

**b) Nội dung:** HS làm bài tập 2.25; 2.26; 2.27; 2.28; 2.29 ( sgk) và thực hiện các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

**c) Sản phẩm:** Học sinh trình bày lời giải các bài tập và trả lời được các câu hỏi của giáo viên ( Ở cột sản phẩm cần đạt)

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm học tập** |
| ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS tìm hiểu VD1 chữa bài tập **2.27 ; 2.28**  được giao về nhà làm từ các buổi trước.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS HĐ cặp đôi nghiên cứu các ví dụ và làm các bài tập.  ***\* Báo cáo kết quả, thảo luận:***  - Đại diện một số cặp đôi báo cáo kết quả.  - Các HS khác thảo luận đưa ra ý kiến  ***\* Kết luận, nhận định***  - GV chốt lại kết quả cuối cùng, yêu cầu HS xác định kiến thức đã áp dụng.  - GV yêu cầu học sinh đưa ra bài tập tương tự với các bài vừa chữa. Yêu cầu về nhà thực hiện  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS tìm hiểu VD 2 (đã giao về nhà) chữa bài tập **2.25;**  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS nghiên cứu VD  - Làm bài 2.25  ***\* Báo cáo kết quả, thảo luận:***  - GV cho HS thảo luận tìm hiểu yêu cầu của bài toán tìmphương án giải bài tập.  - YCHS lên bảng giải bài tập, HS khác làm vào vở.  ***\* Kết luận, nhận định***  - Các HS khác thảo luận đưa ra ý kiến  - GV chốt lại kết quả cuối cùng.  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu HS tìm hiểu VD 3 (đã giao về nhà) chữa bài tập **2.26;**  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS nghiên cứu VD  - Làm bài 2.26  ***\* Báo cáo kết quả, thảo luận:***  - GV cho HS thảo luận cách phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố.  - YCHS lên bảng giải bài tập, HS khác làm vào vở.  ***\* Kết luận, nhận định***  - Các HS khác thảo luận đưa ra ý kiến  - GV chốt lại kết quả cuối cùng  - Đưa ra bài tập được suy ra từ bài 2.26.  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  - GV yêu cầu nghiên cứu nội dung bài tập **2.29**  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  - Làm bài 2.29 theo nhóm 4 em  ***\* Báo cáo kết quả, thảo luận:***  - GV cho HS thảo luận để tìm các cặp nguyên tố sinh đôi.  - Yêu cầu đại diện 1 nhóm lên trình bài, các nhóm khác theo dõi góp ý .  ***\* Kết luận, nhận định***  - Các HS khác thảo luận đưa ra ý kiến  - GV chốt lại kết quả cuối cùng  **\* Gv đưa ra câu hỏi mở:**  Cho một số tự nhiên bất kì lớn hơn 1, làm thế nào để biết đó là số nguyên tố hay là hợp số mà không dùng bảng?  **\* Giáo viên tổng kết:**  - Chốt lại kiến thức trọng tâm đã học từ bài 8 đến bài 10.  - Lưu ý những sai làm dễ mắc phải khi giải từng dạng bài tập.  - Nhấn mạnh việc học sinh dần làm quen với khai thác, mở rộng bài tập đơn giản. | 1. Bài tập về quan hệ chia hết  **Bài 2.27 :**  **a)** Ta có: 100 – x chia hết cho 4. Mà 100 chia hết cho 4 nên x chia hết cho 4.  Do đó x là bội của 4 và không vượt quá 22  Vậy x ∈ {0; 4; 8; 12; 16; 20}  **b)** Ta có: 18 + 90 + x chia hết cho 9. Mà 18 và 90 chia hết cho 9 nên x chia hết cho 9.  Do đó x là bội của 9 và không vượt quá 22  Vậy x ∈ {0; 9; 18}.  **Bài 2.28 :**  Giải  Số người mỗi nhóm phải lớn hơn 3 và là ước của 40.  Mà Ư(40) = https://latex.codecogs.com/gif.latex?\large&space;\left&space;\%7b&space;1;&space;2;&space;4;&space;5;&space;8;&space;10;&space;20;&space;40&space;\right&space;\%7d  Nên mỗi nhóm có thể có 4; 5; 8; 10; 20; hoặc 40 người.  **Bài 2.25:**  Giải  **a)** Số cần viết chia hết cho 5 nên nó có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5. Vậy các số cần tìm là: 510; 150; 310; 130; 350; 530; 105; 305; 315; 135.  **b)** Số cần viết chia hết cho 3 nên tổng các chữ số của nó phải chia hết cho 3.  Từ các chữ số 5; 0; 1; 3, ta có hai cách nhóm thành bộ ba số có tổng chia hết cho 3:   * 5 + 0 + 1 = 6 chia hết cho 3. * 5 + 1 + 3 = 9 chia hết cho 3.   Vậy các số cần tìm là: 501; 510; 105; 150; 513; 531; 135; 153; 351; 315.  **2. Bài tập về số nguyên tố**  **Bài 2.26**:  Giải  A = https://latex.codecogs.com/gif.latex?\large&space;4%5e2\cdot&space;6%5e3  = https://latex.codecogs.com/gif.latex?\large&space;4\cdot&space;4\cdot&space;6\cdot&space;6\cdot&space;6  = https://latex.codecogs.com/gif.latex?\large&space;2%5e2\cdot&space;2%5e2\cdot&space;2\cdot&space;3\cdot&space;2\cdot&space;3\cdot&space;2\cdot&space;3  = https://latex.codecogs.com/gif.latex?\large&space;2%5e2\cdot&space;2%5e2\cdot&space;2\cdot&space;2\cdot&space;2\cdot&space;3\cdot&space;3\cdot&space;3  = https://latex.codecogs.com/gif.latex?\large&space;2%5e%7b2+2+1+1+1%7d\cdot&space;3%5e%7b1+1+1%7d  = https://latex.codecogs.com/gif.latex?\large&space;2%5e%7b7%7d\cdot&space;3%5e%7b3%7d  Tương tự, ta có:  B = https://latex.codecogs.com/gif.latex?\large&space;9%5e2\cdot&space;15%5e2  = https://latex.codecogs.com/gif.latex?\large&space;9\cdot&space;9\cdot&space;15\cdot&space;15  = https://latex.codecogs.com/gif.latex?\large&space;3%5e2\cdot&space;3%5e2\cdot&space;3\cdot&space;5\cdot&space;3\cdot&space;5  = https://latex.codecogs.com/gif.latex?\large&space;3%5e2\cdot&space;3%5e2\cdot&space;3\cdot&space;3\cdot&space;5\cdot&space;5  = https://latex.codecogs.com/gif.latex?\large&space;3%5e%7b2+2+1+1%7d\cdot&space;5%5e2  = https://latex.codecogs.com/gif.latex?\large&space;3%5e%7b6%7d\cdot&space;5%5e2  **Bài 2.29 :**  Giải  Các cặp số nguyên tố sinh đôi nhỏ hơn 40 là:   * 3 và 5 * 5 và 7 * 11 và 13 * 17 và 19 * 29 và 31. |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Đánh giá thường xuyên:  + Sự tích cực chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập.  + Sự hứng thú, tự tin, trách nhiệm của HS khi tham gia các hoạt động học tập cá nhân.  + Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm (rèn luyện theo nhóm, hoạt động tập thể) | - Phương pháp quan sát:  + GV quan sát qua quá trình học tập: chuẩn bị bài, tham gia vào bài học (ghi chép, phát biểu ý kiến, thuyết trình, tương tác với GV, với các bạn,..  + GV quan sát hành động cũng như thái độ, cảm xúc của HS. | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**3. HOẠT ĐỘNG 4. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ ( 3P)**

- Ôn lại nội dung kiến thức đã học từ bài 8 đến bài 10

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp

- Chuẩn bị bài mới **“ Ước chung. Ước chung lớn nhất”.**

**\* Các câu hỏi phần khởi động**

**Câu hỏi 1:** Trong các số 72; 12; 0 thì số nào là ước của 36.

1. **72 B. 12 C. 0**

**Câu hỏi 2.** Khẳng định nào sau đây là đúng?

1. Số chia hết cho 9 thì chia hết cho 3
2. Số chia hết cho 3 thì chia hết cho 9
3. Số có tổng các chữ số chia hết cho 5 thì chia hết cho 5.

**Câu hỏi 3.** Khẳng định sau đúng hay sai?

Tích của hai số nguyên tố bất kì luôn là số lẻ

1. Đúng B. Sai

**Câu hỏi 4.** Trong hai số 127 và 23 số nào là hợp số, số nào là số nguyên tố?

1. Cả hai số đó đều là hợp số.
2. Số 127 là hợp số

C. Cả hai số đó đều là số nguyên tố